



gāo tóu

篙头

noun · tip of a punting pole

Example Sentence

Tā yòng gāo tóu qīng qīng yī diǎn xiǎo chuán jiù xiàng qián huá qù.
他用篙头轻轻一点，小船就向前滑去。

He gently pushed with the tip of the punting pole, and the boat glided forward.

Trace each character, then write the word on your own.

篙	篙	篙	篙	篙	篙	篙	篙	篙	篙	篙
篙	篙	篙	篙	篙	篙	篙	篙			

头	头	头	头	头	头	头	头			
